

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA



BÀI TẬP NHỎ
MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐỀ TÀI:

**PHÂN TÍCH NHỮNG CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN
1930-1945 ĐỂ LÀM RÕ QUÁ TRÌNH ĐẢNG TỪNG BƯỚC KHẮC PHỤC
HẠN CHẾ VÀ HOÀN CHỈNH ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG GIẢI
PHÓNG DÂN TỘC**

LỚP: DT03 --- NHÓM: 09 --- HK: 223

Giảng viên hướng dẫn: Đào Thị Bích Hồng

Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Điểm số
Huỳnh Phúc Hải	2010243	
Võ Mạnh Quỳnh	2112172	
Thái Ngọc Rạng	2110501	
Nguyễn Thị Út Soa	2114653	
Kiều Công Thành	2114775	
Nguyễn Quốc Thành	2112301	

Thành phố Hồ Chí Minh - 2023

MỤC LỤC

I. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM 1930-1935.....	1
1.1. Luận cương chính trị tháng (10/1930)	1
<i>1.1.1. Nhiệm vụ cách mạng.....</i>	<i>1</i>
<i>1.1.2. Lực lượng cách mạng</i>	<i>1</i>
<i>1.1.3. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc</i>	<i>2</i>
1.2. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ Nhất (3/1935)	2
<i>1.2.1. Nhiệm vụ cách mạng.....</i>	<i>2</i>
<i>1.2.2. Lực lượng cách mạng</i>	<i>3</i>
<i>1.2.3. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc</i>	<i>3</i>
1.3. Tiểu kết giai đoạn 1930-1935	4
II. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM 1936-1939.....	4
2.1. Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ dân sinh (7/1936)	4
<i>2.1.1. Nhiệm vụ cách mạng.....</i>	<i>4</i>
<i>2.1.2. Lực lượng cách mạng</i>	<i>5</i>
<i>2.1.3. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc</i>	<i>5</i>
2.2. Chung quanh vấn đề chiến sách mới (10/1936)	5
2.3. Tiểu kết giai đoạn 1936-1939	6
III. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM 1939-1945	7
3.1. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11/1939)	7
<i>3.1.1. Nhiệm vụ cách mạng.....</i>	<i>7</i>
<i>3.1.2. Lực lượng cách mạng</i>	<i>7</i>
<i>3.1.3. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc</i>	<i>8</i>
3.2. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940)	8
<i>3.2.1. Nhiệm vụ cách mạng.....</i>	<i>8</i>
<i>3.2.2. Lực lượng cách mạng</i>	<i>9</i>
<i>3.2.3. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc</i>	<i>9</i>
3.3. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940)	9
<i>3.3.1. Nhiệm vụ cách mạng.....</i>	<i>9</i>
<i>3.3.2. Lực lượng cách mạng</i>	<i>10</i>
<i>3.3.3. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc</i>	<i>10</i>
3.4. Tiểu kết giai đoạn 1939-1945	11
IV. TỔNG KẾT GIAI ĐOẠN 1930-1945	12
TÀI LIỆU THAM KHẢO	14

I. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM 1930-1935

1.1. Luận cương chính trị tháng (10/1930)

Tháng 4/1930, Trần Phú được Quốc tế Cộng sản cử về nước tham gia hoạt động cách mạng, bổ sung vào Ban chấp hành Trung ương lâm thời cùng ban Thường vụ để chuẩn bị cho Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất.

Sau 8 tháng từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, từ ngày 14 đến ngày 31/10/1930, Ban Chấp Hành Trung ương chính thức họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng, Trung Quốc do Trần Phú chủ trì. Tại Hội nghị, thông qua Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương do Trần Phú soạn thảo, Đảng đã nêu rõ chủ trương về Nhiệm vụ cách mạng, Lực lượng cách mạng, Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc.

1.1.1. *Nhiệm vụ cách mạng*

Dựa trên những mâu thuẫn cơ bản hiện tại, Đảng nhận định phong trào cách mạng ở Đông Dương ban đầu là cuộc cách mạng tư sản dân quyền vì cách mạng chưa thể giải quyết những vấn đề tổ chức xã hội, kinh tế trong xứ còn rất yếu, nhiều di tích phong kiến tồn đọng và còn bị đế quốc chủ nghĩa Pháp áp bức bóc lột. Dựa trên những đặc điểm ấy, Đảng xác định cách mạng hiện thời chỉ có tính chất thổ địa và phản đế. Cuộc cách mạng tư sản dân quyền là sự kết hợp giữa hai nhiệm vụ cốt yếu: một là đánh tan các tàn tích phong kiến và thực hiện triệt để thổ địa cách mạng làm cơ sở để Đảng lãnh đạo dân cày, hai là đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa Pháp làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ này có mối liên hệ mật thiết, khăng khít với nhau vì chỉ khi đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa thì mới có thể xóa bỏ được giai cấp địa chủ giúp cách mạng thổ địa giành thắng lợi và để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa thì bắt buộc phải đánh tan chế độ phong kiến.¹

1.1.2. *Lực lượng cách mạng*

Giai cấp vô sản và nông dân là lực lượng nòng cốt trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền. Trong đó vô sản là giai cấp cầm quyền, còn nông dân là động lực mạnh của cách mạng. Ngoài ra còn có các phần tử lao khổ, các thủ công nghiệp nhỏ và trí thức thất nghiệp cũng tham gia cách mạng. Về giai cấp tư sản, tư sản thương nghiệp và tư sản công nghiệp đứng về phe đế quốc chống lại cách mạng. Về giai cấp tiểu tư sản, thủ công nghiệp có ác cảm với cả đế quốc do cạnh tranh về hàng hóa và cách mạng vô sản do lợi ích đối lập nên tỏ thái độ do dự, tiểu tư sản thương gia thì phản đối cách mạng vì lợi ích cá nhân và tiểu tư sản trí thức thì

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.97-98.

chỉ hăng hái chống đế quốc trong thời kì đầu. Vì vậy, chỉ có giai cấp công-nông mới có đủ động lực đấu tranh.¹

1.1.3. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc

Khác với Cương lĩnh chính trị của Nguyễn Ái Quốc vào tháng 2/1930 chỉ tập giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam, Luận cương chính trị tháng 10/1930 của Trần Phú chủ trương giải quyết vấn đề giai cấp và giải phóng dân tộc trên toàn cõi Đông Dương.

Nhận xét:

Nhìn chung, Luận cương chính trị 10/1930 có nhiều điểm tích cực thông qua việc khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản thuộc về chiến lược của cách mạng mà Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt đã nêu ra. Song vẫn tồn tại nhiều hạn chế:

Một là, chưa nhận định đúng đắn mẫu thuẫn chủ yếu của cách mạng là mâu thuẫn dân tộc và đề cao mâu thuẫn giai cấp, trực tiếp ảnh hưởng đến quá trình tập hợp lực lượng cách mạng.

Hai là, chưa nhận định đúng đắn về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống phong kiến và chống đế quốc, đặt nhiệm vụ xóa bỏ phong kiến lên hàng đầu.

Ba là, tập trung kêu gọi giai cấp công-nông làm lực lượng cách mạng mà bỏ qua các phong kiến, tư sản, tiểu tư sản yêu nước dẫn đến lực lượng còn yếu kém.

Bốn là, chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trên toàn cõi Đông Dương trong khi lực lượng cách mạng chưa đủ mạnh, bên cạnh đó là sự không đồng bộ về lịch sử, văn hóa dân tộc của ba nước Đông Dương khiến cho công cuộc cách mạng trở nên kém hiệu quả.

1.2. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ Nhất (3/1935)

1.2.1. Nhiệm vụ cách mạng

Nhiệm vụ chiến lược: Nghị quyết đã xác định cuộc Cách mạng tư sản dân quyền ở xứ Đông Dương gồm có hai nhiệm vụ rõ rệt, rất mật thiết quan hệ với nhau đó là cuộc cách mạng phản đế và cách mạng điền địa. Nhìn chung, nghị quyết vẫn chưa khắc phục được những hạn chế của luận cương chính trị 10/1930, đó là đối tượng cần phải lật đổ là giai cấp phong kiến, “người ta không thể làm cách mạng phản đế, sau đó mới làm cách mạng điền địa. Cách mạng sẽ chỉ thắng lợi với điều kiện hai cuộc cách mạng ấy gắn bó chặt chẽ với nhau và cùng đi với nhau”² đây chính là nhận định cho thấy đại hội vẫn chưa khắc phục hạn chế giữa

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.98-101.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.419.

cách mạng phản đế và cách mạng điền địa dẫn tới Đảng đã không thể tập hợp được lực lượng toàn dân.

Nhiệm vụ cụ thể: Phát triển và củng cố Đảng: phải chăm lo tăng cường các đảng viên ưu tú xuất thân từ công nhân vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Để bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và hành động, các đảng bộ cần tăng cường phê bình và tự phê bình, đấu tranh trên cả hai mặt chống tả khuynh và hữu khuynh, giữ vững kỷ luật của Đảng.

Thâu phục quảng đại quần chúng: Đại hội cho rằng thu phục quảng đại quần chúng là nhiệm vụ trung tâm và căn bản mà Đảng cần phải thực hiện bởi Đảng mạnh là căn cứ vào ảnh hưởng và thế lực của Đảng trong quần chúng. Các đảng bộ phải bên vực quyền lợi của quần chúng, quan tâm đến các dân tộc thiểu số, thanh niên, phụ nữ, ... lợi dụng các hình thức công khai và nửa công khai để xây dựng và phát triển các tổ chức quần chúng lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Chống đế quốc chiến tranh: Đối với việc chống chiến tranh đế quốc đại hội nêu rõ là nhiệm vụ của Đảng và toàn thể cách mạng. Do đó, hội nghị đã quyết định thành lập ra các ban ủy viên chống đế quốc chiến tranh do Đảng lãnh đạo bao gồm các đại biểu đảng phái, các cá nhân yêu nước chống đế quốc chiến tranh. Bên cạnh đó Hội nghị cũng nhấn mạnh nhiệm vụ chống phong kiến bên cạnh nhiệm vụ chống đế quốc.

1.2.2. Lực lượng cách mạng

Đại hội đã quyết định bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng, gồm 13 ủy viên (song chỉ có 12 người, còn một ủy viên khác là chấp ủy viên địa phương Trung Kỳ sẽ chỉ định sau). Ban Thường vụ gồm 5 người, Lê Hồng Phong là Tổng Bí thư. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã cử Nguyễn Ái Quốc làm đại diện của Đảng Cộng sản Đông Dương bên cạnh Quốc tế Cộng sản. Nghị quyết cũng đã khẳng định lực lượng cách mạng chỉ có thợ thuyền, nông dân lao động và dân nghèo thành thị. Còn giai cấp phong kiến vẫn đang là đối tượng của Cách mạng, giai cấp tư sản cũng được cho là sẽ liên kết với đế quốc và phong kiến chống phong trào cách mạng. Tuy nhiên, nghị quyết đã chỉ ra những phần tử trong giai cấp tiểu tư sản và tri thức bị Pháp mua chuộc mới là đồng minh của Pháp chứ không phải toàn bộ các giai cấp như trong Luận cương chính trị (10/1930).

1.2.3. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc

Đảng nêu rõ: “Lật đổ chủ nghĩa đế quốc để cho Đông Dương hoàn toàn độc lập, đó là cách mạng phản đế”. Bởi vì, Đông Dương lúc bấy giờ là thuộc địa của Pháp và cách mạng ở Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới, giai

cấp vô sản ở Đông Dương phải liên kết với vô sản thế giới và đặc biệt là vô sản Pháp.

Nhận xét:

Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng là một sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu thắng lợi căn bản của cuộc đấu tranh gìn giữ và khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng từ cơ sở đến trung ương. Tuy nhiên, Nghị quyết đại hội Đại biểu lần thứ nhất (3/1935) vẫn còn đứng trên những cái sai của Luận cương chính trị (10/1930) khi vẫn còn đề cao nhiệm vụ chống phong kiến cho nên vẫn chưa tập hợp được toàn bộ dân tộc, hơn hết phạm vi dân tộc vẫn còn là toàn Đông Dương. Tuy nhiên, Đảng cũng đã có xác định rõ ràng hơn trong phần lực lượng cách mạng khi cho rằng có một bộ phận giai cấp tiểu tư sản, trí thức yêu nước và đã đặt ra nhiệm vụ cần phải kéo họ về phía cách mạng.

1.3. Tiểu kết giai đoạn 1930-1935

Nhìn chung, Luận cương chính trị (10/1930) và Đại hội Đại biểu lần thứ I (3/1935) không có quá nhiều điểm khác biệt. Chủ trương đường lối cách mạng của Đảng vẫn còn nhiều hạn chế khi vẫn xem trọng lật đổ phong kiến, bỏ giai cấp phong kiến, tư sản và một bộ phận nông dân ra khỏi cách mạng chỉ lấy bần nông và trung nông. Do đó, chưa thực sự tập hợp được toàn dân tộc dẫn tới lực lượng cách mạng bị yếu đi. Tuy nhiên, Đảng cũng đã có cái nhìn khách quan hơn khi cho rằng trong giai cấp tiểu tư sản và trí thức thì chỉ có những phần tử bóc lột mới là đồng minh của Pháp, đồng thời cũng đã vạch rõ được thủ đoạn của Pháp và tuyên truyền chống đế quốc. Một hạn chế khác nữa là Đảng vẫn còn đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc trên phạm vi toàn Đông Dương, do đó vẫn không giải quyết được quyền tự quyết của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

II. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM 1936-1939

2.1. Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ dân sinh (7/1936)

Tháng 7/1936, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong chủ trì ở Thượng Hải, dựa trên Nghị quyết đại hội VII của Quốc tế Cộng sản đã đề ra những chủ trương mới đòi quyền dân sinh, dân chủ.

2.1.1. Nhiệm vụ cách mạng

Nhiệm vụ chiến lược: chống đế quốc và chống phong kiến

Nhiệm vụ trực tiếp trước mắt: Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Ban chấp hành Trung ương xác định, cách mạng Đông Dương vẫn là “cách mạng

tư sản dân quyền - phản đế và điền địa - lập chính quyền của công nông bằng hình thức Xô viết, để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa”¹. Trong khi đó, yêu cầu cấp thiết trước mắt của nhân dân ta lúc này là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống.²

2.1.2. Lực lượng cách mạng

Mọi lực lượng dân chủ, kể cả những người Pháp có xu hướng chống phát xít ở Đông Dương, được tập hợp trong Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

Có sự thay đổi này bởi vì đời sống nhân dân khó khăn do chính sách tăng thuế của Pháp; công nhân bị thất nghiệp, lương giảm; nông dân không đủ ruộng cày, chịu mức địa tô cao và bóc lột của địa chủ, cường hào...; tư sản dân tộc ít vốn, chịu thuế cao, bị tư bản Pháp chèn ép; tiểu tư sản trí thức bị thất nghiệp, lương thấp; còn các tầng lớp lao động khác phải chịu thuế khóa nặng nề, sinh hoạt đắt đỏ vậy nên không chỉ có công – nông mà phải tập trung nhiều lực lượng.

2.1.3. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc

Diễn ra trên phạm vi cả nước, sôi nổi nhất là ở thành thị với mục tiêu đòi tự do, dân sinh, dân chủ.

Nhận xét:

Đây là phong trào quần chúng rộng lớn dưới sự lãnh đạo của Đảng tại đây buộc Pháp phải nhượng bộ một số yêu cầu về dân sinh, dân chủ. Quần chúng nhân dân đã được giác ngộ về chính trị để trở thành lực lượng chính vô cùng hùng hậu của cách mạng, đoàn kết đấu tranh đòi quyền sống. Cán bộ được tập hợp và trưởng thành, Đảng cũng đã thu được một số kinh nghiệm về phát động và lãnh đạo đấu tranh công khai, hợp pháp. Chính quyền thực dân đã phải giải quyết một phần yêu sách của nhân dân ta, như nói rộng quyền xuất bản báo chí, tự do đi lại, thả một số tù chính trị, ...

Đảng đã nhận thức được nhiệm vụ dân tộc chính là nhiệm vụ hàng đầu và cho rằng cuộc giải phóng dân tộc không nhất thiết gắn với cách mạng dân chủ mà phải căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể để xác định và giải quyết vấn đề quan trọng hơn trước. Bởi vì xác định được kẻ thù chính nên có thể tập trung đông đảo lực lượng của một dân tộc.

2.2. Chung quanh vấn đề chiến sách mới (10/1936)

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.139.

² Tỉnh ủy Khánh Hòa, 30/01/2018, Thời kỳ đấu tranh chống phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh đòi tự do, cơm áo và hòa bình (1936 - 1939), Truy cập từ: <https://tinhuylkhanhhoa.vn/>

Trong văn kiện Chung quanh vấn đề chiến sách mới công bố tháng 10/1936, Đảng đã nêu một quan điểm mới: "Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa thì cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng". Vì rằng, tùy hoàn cảnh hiện thực bắt buộc, nếu nhiệm vụ chống đế quốc là cần thiết cho lúc hiện thời, còn vấn đề giải quyết điền địa tuy quan trọng nhưng chưa phải trực tiếp bắt buộc, thì có thể trước tập trung đánh đổ đế quốc rồi sau mới giải quyết vấn đề điền địa.

Nhưng cũng có khi vấn đề điền địa và phản đế phải liên tiếp giải quyết, vấn đề này giúp cho vấn đề kia làm xong mục đích của cuộc vận động. Nghĩa là, cuộc phản đế phát triển tới trình độ võ trang tranh đấu kịch liệt, đồng thời, vì muốn tăng thêm lực lượng tranh đấu chống đế quốc, cần phải phát triển cuộc cách mạng điền địa. "Nói tóm lại, nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng".

Tháng 3/1939, Đảng ra bản Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc nêu rõ họa phát xít đang đến gần, Chính phủ Pháp hiện đã nghiêng về phía hữu, ra sức bóp nghẹt tự do dân chủ, tăng cường bóc lột nhân dân và ráo riết chuẩn bị chiến tranh. Tuyên ngôn kêu gọi các tầng lớp nhân dân phải thống nhất hành động hơn nữa trong việc đòi các quyền tự do dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc.

Nhận xét:

Đây là nhận thức mới của Ban chấp hành Trung ương, phù hợp với tinh thần trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và bước đầu khắc phục những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10/1930 trong việc xác định địch nhân chính, nguy hiểm nhất và huy động tất cả các tầng lớp nhân dân cùng hợp lực trong việc đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc.

2.3. Tiểu kết giai đoạn 1936-1939

Về chủ trương của Đảng 7/1936, dựa trên tình hình trong nước và thế giới, Đảng đã có những bước phát triển trong việc xác định nhiệm vụ chiến lược và trước mắt của cách mạng, kẻ thù của cách mạng, lực lượng cách mạng cùng với hình thức đấu tranh cách mạng đa dạng nhằm chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

Về chủ trương của Đảng 10/1936, Đảng đã xác định được địch nhân chính, nguy hiểm nhất để tập trung lực lượng toàn dân tộc cùng nhau đánh đuổi và bước đầu khắc phục những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10/1930.

Tóm lại, trong những năm 1936 – 1939, chủ trương mới của Đảng đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ chiến lược và nhiệm vụ cụ thể trước mắt của cách mạng, các mối quan hệ giữa liên minh công – nông và mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi, giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa phong trào cách mạng Đông Dương và phong trào cách mạng ở Pháp và trên thế giới. Đây được xem như là sự khắc phục của những vấn đề của Luận cương chính trị như việc xác định được mục tiêu cốt lõi; đánh giá đúng vai trò cách mạng của tiểu tư sản, tư sản dân tộc, trung và tiểu địa chủ; đề ra được chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi. Qua đó góp phần xây dựng tiền đề cho việc tập hợp lực lượng toàn dân tộc cùng đấu tranh chống đế quốc và tay sai. Ngoài ra, Đảng đã đề ra các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt, thích hợp nhằm hướng dẫn quần chúng đấu tranh giành quyền lợi hàng ngày, chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh cao hơn vì độc lập và tự do.

Các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong thời kỳ này đánh dấu bước trưởng thành của Đảng về chính trị và tư tưởng, thể hiện bản lĩnh và tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng, mở ra một cao trào mới trong cả nước.

III. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM 1939-1945

3.1. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11/1939)

3.1.1. *Nhiệm vụ cách mạng*

Trong hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần 6 khẳng định nhiệm vụ hàng đầu là giải phóng dân tộc: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập, Đế quốc Pháp còn, dân chúng Đông Dương chết. Đế quốc Pháp chết, dân chúng Đông Dương còn.”¹ Ngoài ra, hội nghị còn xác định dựa trên “phong trào cách mệnh thế giới và Đông Dương, Đảng ta phải thay đổi chính sách”, “Ngày nay phải thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương”².

3.1.2. *Lực lượng cách mạng*

“Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (M.T.T.N.D.T.P.Đ.Đ.D): là hình thức liên hiệp tất cả các dân tộc Đông Dương dưới nền thống trị đế quốc Pháp, tất cả các giai cấp, các đảng phái, các phần tử phản đế muốn giải phóng cho

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 6, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.538.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 6, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.539.

dân tộc”¹ vì vậy lực lượng cách mạng là tập hợp của tất cả các giai cấp cùng chung một mục đích là giải phóng dân tộc. Tuy nhiên lực lượng chính là công nông “Trong cuộc cách mệnh giải phóng dân tộc giai cấp vô sản cầm quyền lãnh đạo thì vấn đề điền địa mới giải quyết được một cách đúng đắn và thích hợp vì nó là một giai cấp tiên tiến nhất, cách mệnh triệt để, không có chút khí cụ sinh sản nào và không dính líu đến vấn đề đất ruộng, mà vấn đề điền địa có giải quyết được rành mạch thoả mãn và hợp thời thì cuộc cách mệnh phản đế mới thắng lợi, cách mệnh giải phóng dân tộc mới thành công.”²

Công nông là hai lực lượng chính của cách mạng, sự đồng minh chặt chẽ của công nông là vấn đề sống chết của cách mệnh, không có sự đồng minh ấy thì cách mệnh không thể thắng lợi được. Công nông phải đưa cao cây cờ dân tộc lên, vì quyền lợi sinh tồn của dân tộc mà sẵn sàng bắt tay với tiểu tư sản và những tầng lớp tư sản bản xứ, trung tiểu địa chủ còn có cảm tức đế quốc.

Ngoài những lực lượng chính và phụ ấy, cuộc cách mệnh còn cần đến những lực lượng dự trữ gián tiếp như vô sản Pháp, vô sản thế giới, Liên Xô, dân chúng thuộc địa và bán thuộc địa.

3.1.3. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc

Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc, đánh đổ đế quốc Pháp, vua chúa bản xứ và tất cả bọn phản động tay sai cho đế quốc để giành độc lập trên toàn Đông Dương.

Nhận xét:

Hội nghị đã đưa nhân dân bước vào thời kì trực tiếp vận động giải phóng dân tộc, làm sáng tỏ mối quan hệ giữa nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

So với các giai đoạn trước, chủ trương mới của Đảng đã kết hợp giữa hoạt động công khai và bí mật, thành lập được cơ sở cách mạng ở các địa phương, bước đầu tập hợp lực lượng vũ trang, về chính trị thì đấu tranh trực tiếp đòi quyền lợi cho lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống của người nông dân.

3.2. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940)

3.2.1. Nhiệm vụ cách mạng

Ban chấp hành Trung ương cho rằng nhiệm vụ đầu tiên là phải thống nhất hành động giữa các lực lượng cách mạng phản đế để “tranh đấu tiến lên vũ trang bạo động đánh đổ đế quốc Pháp, Nhật và các lực lượng phản động ngoại xâm, diệt

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 6, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.539.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 6, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.542.

trừ phong kiến và các hạng phản bội quyền lợi dân tộc, làm cho Đông Dương được hoàn toàn giải phóng...”¹

Khi mâu thuẫn dân tộc với Pháp-Nhật ngày càng sâu sắc “Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: lãnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương võ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập.”²

3.2.2. Lực lượng cách mạng

Lực lượng cách mạng hầu như không có gì thay đổi. Thành phần cách mạng lực lượng cách mạng dựa trên cơ sở hai lực lượng công, nông là hai lực lượng chính của cách mạng. Tuy nhiên chủ trương phải tổ chức các đội tự vệ, trực tiếp võ trang cho quần chúng cùng Đảng tổ chức nhân dân cách mệnh quân, trực tiếp tham gia điều khiển bạo động. Ngoài ra còn có sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản và bộ phận Đảng ở nước ngoài.

3.2.3. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc

Hội nghị chỉ ra cần giải quyết vấn đề Phát Xít xâm lược trên toàn cõi Đông Dương, liên hiệp với Hoa kiều kháng Nhật và những người Pháp chống phát xít, làm cho Đông Dương được giải phóng.

Nhận xét:

Tính chất cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương không thay đổi; Trung ương Đảng cho rằng chuyển hướng về chỉ đạo chiến lược, nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tạm rút khẩu hiệu cách mạng ruộng đất của Hội nghị Trung ương Đảng năm 1939 là đúng.

3.3. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940)

Từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng ở lán Khuổi Nặm, Pắc Bó (Hà Quảng, Cao Bằng).

3.3.1. Nhiệm vụ cách mạng

Một là, Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 nhấn mạnh rằng: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 7, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.77

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 7, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.58

thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được".¹

Hai là, nhằm triệt để phát huy yếu tố dân tộc, phân hoá hàng ngũ giai cấp địa chủ, Hội nghị tiếp tục thực hiện chủ trương tạm gác khẩu hiệu đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày thay bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng công, giảm tô, giảm tức.²

Ba là, chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước ở Đông Dương; thành lập, phát triển và tăng cường lãnh đạo các tổ chức vũ trang và nửa vũ trang; chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, đi từ khởi nghĩa từng phần đến Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Bốn là, Hội nghị đã xác định nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn hiện thời là: “Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang”.³

3.3.2. Lực lượng cách mạng

Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Với các dân tộc Lào, Cao Miên, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận ở mỗi nước, tiến tới thành lập một Mặt trận chung Đông Dương. Ngoài ra, Hội nghị đề ra nhiệm vụ xây dựng Đảng, làm cho Đảng đủ năng lực lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Nghị quyết Hội nghị đề ra gấp rút đào tạo cán bộ và tăng thêm thành phần vô sản trong Đảng.

3.3.3. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc

Cuộc cách mạng sẽ diễn ra ở toàn thể Đông Dương với 3 nước bao gồm Việt Nam, Lào và Campuchia cùng đoàn kết, hợp lực với quyết tâm cách mạng để giành lại độc lập cho Đông Dương. Hội nghị quyết định đặt vấn đề dân tộc trong khuôn khổ của mỗi quốc gia, thi hành đúng quyền “dân tộc tự quyết”.

Nhận xét:

Về nhiệm vụ cách mạng:

Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã bổ sung và hoàn chỉnh chủ trương thay đổi chiến lược cách mạng được đề ra từ Hội nghị

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Trung ương lần thứ 6 tháng 11-1939. Điều này đã đóng một vai trò quan trọng trong chiến thắng Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Về lực lượng cách mạng:

Hội nghị đã có những bước tiến lớn sau Hội nghị lần thứ 7, tập trung lực lượng từ các cuộc bạo động nhỏ lẻ thành một Mặt trận Việt Minh để đứng lên giành lại quyền tự quyết cho dân tộc.

Về phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc:

Hội nghị đã đặt hẳn vấn đề dân tộc trong khuôn khổ của mỗi nước Đông Dương, thi hành đúng quyền “dân tộc tự quyết” với tinh thần liên hệ mật thiết với nhau, giúp đỡ nhau giành thắng lợi.

3.4. Tiểu kết giai đoạn 1939-1945

Tóm lại, qua những phần đã nêu ở trên, nhóm nghiên cứu thấy rằng:

Hội nghị ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11/1939) chủ trương tập hợp tất cả lực lượng, đoàn thể lẫn cá nhân muốn tranh đấu để giành độc lập dân tộc. Hội nghị tạm gác lại khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” thay bằng khẩu hiệu “tịch ký ruộng đất của những địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc”; hình thức đấu tranh kết hợp giữa trực tiếp và bí mật.

Hội nghị ban chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940) khẳng định tính chất cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương không thay đổi; Trung ương Đảng cho rằng chuyển hướng về chỉ đạo chiến lược, chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tiến lên đấu tranh bạo động, tạm rút khẩu hiệu cách mạng ruộng đất của Hội nghị Trung ương Đảng năm 1939 là đúng đắn.

Hội nghị ban chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5/1941) đã hoàn chỉnh nội dung các Nghị quyết của các Hội nghị Trung ương lần thứ 6 và 7 thông qua việc xác định nhiệm vụ cách mạng phù hợp với bối cảnh lịch sử, ý chí và khát vọng của nhân dân của giai đoạn 1939 - 1945, bằng những sự lựa chọn phương pháp cách mạng đúng đắn, hợp lý và ở việc tập hợp đông đảo quần chúng ở mọi tầng lớp giai cấp yêu nước, xây dựng lực lượng cách mạng vững mạnh ở cả hai mặt trận chính trị và vũ trang. Nghị quyết này đã đóng vai trò lớn trong cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 về sau.

Trong giai đoạn 1939-1945, Đảng đã có những khắc phục được những hạn chế cho những giai đoạn trước như sau:

Một là, Đảng đã xác định được nhiệm vụ hàng đầu của dân tộc trong giai đoạn 1939 - 1945 là đánh đổ đế quốc, phát xít xâm lược giành độc lập dân tộc. So

với giai đoạn trước là đánh bọn phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do dân sinh dân chủ cơm áo.

Hai là, Đảng đã giải quyết được vấn đề về lực lượng cách mạng, thống nhất được những cuộc đấu tranh giai cấp đơn lẻ thành cuộc đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc. Đã tập hợp lực lượng tất cả các tầng lớp giai cấp yêu nước không phân biệt giàu nghèo, địa vị xã hội hay tôn giáo.

Ba là, Đảng đã chuyển đổi chiến lược đúng đắn giành lại độc lập dân tộc bằng hình thức khởi nghĩa vũ trang thay cho đấu tranh công khai hợp pháp kết hợp với bí mật.

IV. TỔNG KẾT GIAI ĐOẠN 1930-1945

Sau hơn 60 năm Pháp thuộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản cùng với lòng yêu nước của nhân dân, cuối cùng dân tộc Việt Nam cũng đã giành được độc lập từ tay thực dân Pháp xâm lược. Kết quả chính là chiến thắng lịch sử của Cách mạng Tháng Tám và bản tuyên ngôn độc lập (2/9/1945). Qua ba giai đoạn kháng chiến chống Pháp, có thể thấy rõ từng bước Đảng khắc phục những hạn chế và hoàn thiện chủ trương và đường lối cách mạng ở Việt Nam:

Về nhiệm vụ cách mạng, khởi đầu là giai đoạn 1930-1935 với luận cương chính trị (10/1930) đặt ra nhiệm vụ đánh đổ phong kiến và chống đế quốc Pháp, trong đó nhiệm vụ đánh đổ phong kiến được ưu tiên. Trong giai đoạn 1936-1939, nhận thức được tình hình cách mạng ở Việt Nam, Đảng ra chủ trương thay đổi nhiệm vụ chiến lược phối hợp đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Đến giai đoạn 1939-1945, thông qua nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6, 7, 8, Đảng quyết định đưa cuộc cách mạng dân tộc lên hàng đầu. Điều này trực tiếp ảnh hưởng đến lực lượng cách mạng và đưa cuộc cách mạng đi đến thành công.

Về lực lượng cách mạng, lực lượng công – nông luôn là lực lượng chính của cuộc cách mạng Việt Nam. Trong giai đoạn 1930-1935, với việc ưu tiên lật đổ phong kiến, phần lớn lực lượng là dân cày, thợ thuyền và phần tử lao khổ. Qua giai đoạn 1936-1939, bằng việc thay đổi chủ trương và đường lối cách mạng, Đảng đã tập hợp toàn bộ lực lượng dân chủ, kể cả những người Pháp có xu hướng chống phát xít ở Đông Dương và thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương để giải quyết nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Đến giai đoạn 1939-1945, với nhiệm vụ hàng đầu là cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng kêu gọi toàn dân yêu nước và thành lập Mặt trận Việt

Minh, thống nhất các cuộc bạo loạn nhỏ lẻ thành cuộc cách mạng quy mô lớn và giành thắng lợi.

Về phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc, trong giai đoạn 1930-1935 và giai đoạn 1936-1939, Đảng tập trung cách mạng trên toàn Đông Dương. Đến giai đoạn 1939-1945, với việc xác định được nhiệm vụ hàng đầu là cách mạng giải phóng dân tộc thông qua nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5/1941), Đảng quyết định đặt hẳn vấn đề dân tộc trong khuôn khổ của mỗi nước Đông Dương, thi hành đúng quyền “dân tộc tự quyết” với tinh thần liên hệ mật thiết với nhau, giúp đỡ nhau giành thắng lợi.

Đó chính là cách Đảng từng bước khắc phục hạn chế và hoàn thiện đường lối cách mạng. Qua từng giai đoạn, Đảng đã xác định những hạn chế và đặt lại chủ trương để khắc phục những hạn chế đó và đưa cách mạng đi đến thành công, giành lại độc lập tự do cho dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1999), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.